



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30
PHỤ LỤC CUNG CẤP THÔNG TIN HỢP NHẤT	31 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 04 năm 2012, cùng các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch
Ông Howang Yu Nam	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Đình Kháng	Thành viên
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên

Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc
Ông Đào Quốc Hưng	Phó Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc:


Đoàn Đắc Hoc
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W www.cpavietnam.vn

Số: 113/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 06/02/2013 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lưu ý:

Trong năm theo Biên bản làm việc ngày 13 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thu hồi hàng hóa là lô cần xuất đã bán năm trước cho Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu. Việc thu hồi hàng hóa là do các nguyên nhân khách quan dẫn đến Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu không có nguồn để thanh toán đúng hạn theo điều khoản hợp đồng đã ký kết với Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện thu hồi hàng hóa, xử lý công nợ đúng theo các quy định hiện hành. Do vậy, Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh “Hàng bán bị trả lại” trong năm nay tương ứng với “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” đã ghi nhận năm trước với số tiền là 23.983.271.245 đồng, “Giá vốn hàng bán” trong năm nay giảm tương ứng với số tiền là 22.166.635.040 đồng. Theo đó, “Lợi nhuận kế toán trước thuế” trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2012 và “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng đã giảm tương ứng với số tiền là 1.816.636.205 đồng.



Nguyễn Quê Dương
 Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
 Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hàng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
 Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Song Toàn
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1551/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.889.459.187	179.629.599.513
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.601.903.818	9.898.423.662
1. Tiền	111		7.601.903.818	9.898.423.662
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	85.525.783	85.525.783
1. Đầu tư ngắn hạn	121		664.805.451	664.805.451
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(579.279.668)	(579.279.668)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.328.153.548	112.952.556.918
1. Phải thu khách hàng	131	5.3	35.159.838.801	84.313.879.877
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	14.943.973.923	8.905.661.765
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		2.440.030.217	-
5 Các khoản phải thu khác	135	5.5	9.306.316.759	20.176.299.311
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5.6	(1.522.006.152)	(443.284.035)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	64.509.270.182	55.912.527.704
1. Hàng tồn kho	141		64.509.270.182	55.912.527.704
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.364.605.856	780.565.446
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.238.487.361	14.852.769
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		249.182.580	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.8	876.935.915	765.712.677
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.592.171.667	46.671.421.169
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		14.235.220.790	34.936.769.512
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	9.798.776.147	10.580.942.074
- Nguyên giá	222		45.043.477.274	43.782.810.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.244.701.127)	(33.201.868.541)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	9.664.562.327
- Nguyên giá	228		220.000.000	10.218.142.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(220.000.000)	(553.580.249)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.11	4.436.444.643	14.691.265.111
III. Bất động sản đầu tư	240	5.12	22.262.650.615	-
1. Nguyên giá	241		23.145.059.192	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(882.408.577)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.037.210.441	11.037.210.441
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.13	11.037.210.441	11.037.210.441
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.057.089.821	697.441.216
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		584.057.239	168.441.216
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.032.582	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		470.000.000	529.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183.481.630.854	226.301.020.682
(270 = 100+200)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		66.364.061.637	113.165.087.125
I- Nợ ngắn hạn	310		64.855.944.006	111.551.396.970
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	8.906.384.716	27.574.968.141
2. Phải trả người bán	312	5.15	20.472.387.757	25.610.636.909
3. Người mua trả tiền trước	313	5.16	11.339.825.036	25.520.330.264
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.17	731.362.013	3.001.402.321
5. Phải trả người lao động	315		2.102.067.065	3.343.043.310
6. Chi phí phải trả	316	5.18	12.518.436.025	13.458.670.408
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.19	8.473.591.173	11.668.912.227
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		311.890.221	1.373.433.390
II- Nợ dài hạn	330		1.508.117.631	1.613.690.155
3. Phải trả dài hạn khác	333		650.000.000	500.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	255.572.524
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		858.117.631	858.117.631
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.117.569.217	113.135.933.557
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	117.117.569.217	113.135.933.557
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.276.620.000	72.276.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.425.165.374	25.425.165.374
4. Cổ phiếu quỹ	414		(343.472.600)	(343.472.600)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.274.521.467	9.182.799.710
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.014.231.276	3.956.611.200
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.470.503.700	2.638.209.873
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		183.481.630.854	226.301.020.682

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý		914.584.016	906.179.016
5. Ngoại tệ - USD		10,680	6,794

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh

Hồ Trí Lượng

Đoàn Đức HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	598.358.695.130	666.205.584.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	23.983.271.245	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	574.375.423.885	666.205.584.228
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	544.032.999.448	612.260.771.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		30.342.424.437	53.944.812.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	2.791.615.036	3.166.314.130
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	5.24	3.329.748.710	4.145.464.602
8. Chi phí bán hàng	24	5.25	9.620.216.796	15.619.570.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.26	14.876.583.484	20.566.344.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		5.307.490.483	16.779.746.864
11. Thu nhập khác	31	5.27	2.019.595.286	709.658.250
12. Chi phí khác	32	5.27	529.553.939	483.000.048
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.27	1.490.041.347	226.658.202
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.797.531.830	17.006.405.066
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	810.330.312	2.697.149.286
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.032.582)	27.050.467
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.990.234.100	14.282.205.313
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	832	2.305

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh

Hồ Trí Lượng

Đoàn Đắc Học

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LUÚ CHUYỀN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
I. LUÚ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	6.797.531.830	17.006.405.066
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	2.705.209.474	2.368.028.881
Các khoản dự phòng	3	1.078.722.117	1.089.240.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	626.909	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(2.440.678.951)	(3.216.090.554)
Chi phí lãi vay	6	3.321.112.301	3.524.817.617
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	11.462.523.680	20.772.401.301
Biển động các khoản phải thu	9	49.000.640.843	(53.500.871.532)
Biển động hàng tồn kho	10	(8.596.742.478)	(2.113.178.719)
Biển động các khoản phải thu	11	(21.137.749.472)	33.879.803.049
Biển động trả trước	12	(415.616.023)	1.406.245.089
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.321.112.301)	(3.524.817.617)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.577.204.043)	(1.466.725.021)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	71.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	23.414.740.206	(4.476.143.450)
II. LUÚ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.774.103.762)	(3.959.135.470)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	186.818.182	708.363.637
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.781.653.164	3.415.720.169
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(805.632.416)	164.948.336
III. LUÚ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	20.276.620.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	111.886.488.790	161.746.309.668
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(130.555.072.215)	(167.067.906.917)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.236.417.300)	(4.977.266.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(24.905.000.725)	9.977.756.251
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(2.295.892.935)	5.666.561.137
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	9.898.423.662	4.231.862.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(626.909)	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	7.601.903.818	9.898.423.662

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh

Hồ Trí Lượng

Đoàn Đức Học

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 04 năm 2012, cùng các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.

Trụ sở Công ty: 446 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần thứ 11 là: 72.276.620.000 đồng.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Tập đoàn)	33.248.770.000	46,00%
Các cổ đông khác	38.768.950.000	53,64%
Cổ phiếu ngân quỹ	258.900.000	0,36%
Tổng	72.276.620.000	100%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 205.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì.
- Cải tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể.
- Sản xuất xe có động cơ; xe bồn (trừ thiết kế phuơng tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lênh phuơng tiện có sẵn động cơ).
- Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác.
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công nghiệp.
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng.
- Mua bán xăng dầu.
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại.
- Đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị, vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở)./.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là: sản xuất và bán buôn vật tư thiết bị xăng dầu; tư vấn thiết kế và xây dựng cửa hàng xăng dầu; kinh doanh xăng dầu./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DÀU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Áp dụng Hướng dẫn Kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (Tiếp)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng. Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 2 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản (BĐS) đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và chi phí san lấp mặt bằng tại xã Tân Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 45 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty.Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm 2012, Công ty thay đổi ước tính kế toán và không trích lập dự phòng bảo hành công trình nhận dạng thương hiệu Petrolimex tại các cửa hàng xăng dầu với thời gian cụ thể là từ 3 đến 8 năm. Nếu Công ty vẫn trích lập dự phòng bảo hành nhất quán cho năm 2012 thì số dự phòng cần trích lập là 863.385.529 đồng. Theo đó lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm sẽ giảm đi 1 khoản tương ứng. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc không trích lập dự phòng và ghi nhận khi chi phí thực tế khi phát sinh sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế, hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyên đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty Mẹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty Mẹ, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	257.538.252	363.141.427
Tiền gửi ngân hàng	<u>7.344.365.566</u>	<u>9.535.282.235</u>
Tổng	<u>7.601.903.818</u>	<u>9.898.423.662</u>

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu		
Cổ phiếu mã TP.UT - XI	355.000.000	355.000.000
Cổ phiếu mã CMC	306.000.000	306.000.000
Cổ phiếu mã khác	<u>3.805.451</u>	<u>3.805.451</u>
	<u>664.805.451</u>	<u>664.805.451</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cổ phiếu mã TP.UT - XI	(305.000.000)	(305.000.000)
Cổ phiếu mã CMC	<u>(274.279.668)</u>	<u>(274.279.668)</u>
	<u>(579.279.668)</u>	<u>(579.279.668)</u>
Tổng	<u>85.525.783</u>	<u>85.525.783</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	3.434.493.534	28.022.061.904
Công ty TNHH Thiên Thần Cuộc Sống	225.994.306	8.970.245.587
Công ty TNHH Castrol BP Petco	6.053.045.899	7.430.516.014
Công ty TNHH Hưng Phát	818.757.500	2.058.890.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	1.286.615.924	912.263.924
Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	1.130.679.000	1.882.903.000
Doanh nghiệp tư nhân Đức Giang	1.016.073.662	-
Công ty Cổ Phần TM và DV Vận Tải Sông La	288.335.709	1.964.710.714
DNTN Xăng Dầu Phát Lợi	1.350.665.503	1.359.802.614
International Paint Singapore Pte., Ltd.	823.350.000	783.130.400
Công ty TNHH Total Việt Nam	1.089.660.000	-
Công ty TNHH PPG Việt Nam	950.347.750	293.485.500
Khác	16.691.820.014	30.635.870.220
Tổng	35.159.838.801	84.313.879.877

5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công Ty cổ phần xây lắp Hải Dương	5.737.031.693	-
GOULDS PUMPS INC	2.090.371.713	-
Công ty TNHH TM XD Thái Đinh Trần	1.052.000.000	-
Công ty TNHH Perstima Việt Nam	470.233.309	689.573.854
Công ty TNHH công nghiệp Hoàn Cầu	1.338.589.797	1.032.458.037
Công ty TNHH TM - XD NT Gia Thịnh	1.680.491.252	1.470.167.761
Enomoto Srikiandi Industries	1.396.829.100	-
Công ty Cổ phần Quang Hưng Phước	-	1.113.750.000
Khác	1.178.427.059	4.599.712.113
Tổng	14.943.973.923	8.905.661.765

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi được chia từ Công ty TNHH Cơ khí Gas	480.000.000	1.500.000.000
Phải thu đội thi công	6.004.208.765	14.694.326.598
Khác	2.822.107.994	3.981.972.713
Tổng	9.306.316.759	20.176.299.311

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.6 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ DỜI**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Minh Đạt	265.254.500	-
Công Ty Cổ Phần Dầu Khí Vũng Tàu	820.231.767	-
Công ty CP chế biến và đóng gói Thủy Hải sản	25.564.000	73.260.000
Công ty CP Amigo Việt Nam	10.006.250	12.003.750
Cơ sở An Nhàn	114.980.300	72.050.950
Đái Văn Hùng	285.969.335	285.969.335
Tổng	1.522.006.152	443.284.035

5.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.947.643.555	38.513.703.058
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.276.676.079	6.447.236.652
Thành phẩm	4.689.610.818	8.223.740.074
Hàng hoá	22.595.339.730	2.727.847.920
Tổng	64.509.270.182	55.912.527.704

5.8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên đi công tác đến ngày 31/12/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	7.568.189.228	27.302.861.169	8.332.030.997	579.729.221	43.782.810.615
Mua trong năm	-	1.305.384.886	-	130.077.273	1.435.462.159
Thanh lý trong năm	-	(142.500.000)	-	(32.295.500)	(174.795.500)
Số dư tại 31/12/2012	7.568.189.228	28.465.746.055	8.332.030.997	677.510.994	45.043.477.274
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	3.682.003.760	23.917.502.595	5.213.159.478	389.202.708	33.201.868.541
Khấu hao trong năm	459.028.878	743.822.862	842.366.952	111.162.454	2.156.381.146
Thanh lý trong năm	-	(102.125.000)	-	(11.423.560)	(113.548.560)
Số dư tại 31/12/2012	4.141.032.638	24.559.200.457	6.055.526.430	488.941.602	35.244.701.127
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	3.886.185.468	3.385.358.574	3.118.871.519	190.526.513	10.580.942.074
Tại 31/12/2012	3.427.156.590	3.906.545.598	2.276.504.567	188.569.392	9.798.776.147

Công ty đã dùng tài sản cố định hữu hình với nguyên giá tại ngày 31/12/2012 là 45.043.477.274 đồng (31/12/2011: 43.782.810.615 đồng) để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn được trình bày tại thuyết minh số 5.14.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2012 là 22.501.721.152 đồng (31/12/2011: 22.003.921.622 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	9.998.142.576	220.000.000	10.218.142.576
Chuyển BDS Đầu tư	(9.998.142.576)	-	(9.998.142.576)
Số dư tại 31/12/2012	-	220.000.000	220.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	443.580.245	110.000.004	553.580.249
Kháu hao trong năm	55.545.237	109.999.996	165.545.233
Chuyển BDS Đầu tư	(499.125.482)	-	(499.125.482)
Số dư tại 31/12/2012	-	220.000.000	220.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	9.554.562.331	109.999.996	9.664.562.327
Tại 31/12/2012	-	-	-

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại xã Tân Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương được chuyển đổi mục đích sử dụng sang bán hoặc cho thuê theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 03 năm 2012. Theo đó, tài sản cố định vô hình được chuyển sang Bất động sản đầu tư và được trình bày tại thuyết minh số 5.12.

5.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tại ngày 1 tháng 1	14.691.265.111	12.455.245.610
Tăng trong năm	3.389.471.578	3.306.216.319
Kết chuyển BDS Đầu tư	13.513.462.071	-
Giảm khác trong năm	130.829.975	1.070.196.818
Tại ngày 31 tháng 12	4.436.444.643	14.691.265.111

Chi tiết chi phí xây dựng dở dang theo từng công trình:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí dự án Bình Dương	-	13.513.462.071
Chi phí dự án 446 Nơ Trang Long	1.043.085.427	1.043.085.427
Chi phí Nhà xưởng Nhà Bè	3.240.091.818	127.182.727
Sửa chữa lớn và mua sắm TSCĐ	153.267.398	7.534.886
	4.436.444.643	14.691.265.111

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại dự án Bình Dương là chi phí san lấp mặt bằng. Dự án này được chuyển đổi mục đích sử dụng sang bán hoặc cho thuê theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 03 năm 2012. Theo đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định vô hình được chuyển sang Bất động sản đầu tư và được trình bày tại thuyết minh số 5.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại 01/01/2012

Chuyển từ XDCB dở dang	13.513.462.071
Chuyển từ TSCĐ VH	9.998.142.576
Tăng trong năm	80.000.000
Giảm trong năm	(446.545.455)
Số dư tại 31/12/2012	23.145.059.192

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2012

Chuyển từ TSCĐ VH	499.125.482
Khâu hao trong năm	383.283.095
Số dư tại 31/12/2012	882.408.577

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2012

Tại 31/12/2012	22.262.650.615
-----------------------	-----------------------

5.13 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Cơ khí Gas với tỷ lệ là 49% tương đương 11.037.210.441 đồng. Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh với chức năng sản xuất vỏ bình gas. Công ty liên kết hoạt động kinh doanh có lãi nên Công ty không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.

5.14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng		
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.900.167.219	11.574.968.141
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	5.006.217.497	6.000.000.000
Vay tổ chức khác		
Vay công đoàn Tập đoàn	-	10.000.000.000
Tổng	8.906.384.716	27.574.968.141

Công ty vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0049/KH/12NH ngày 05/03/2012 với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng, chiết khấu, ứng trước tiền hàng xuất khẩu. Lãi suất từ 12%/năm đến 18%/năm và thời hạn trả nợ được quy định cụ thể tại từng hợp đồng vay. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2013. Công ty dùng toàn bộ tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại đến 31/12/2012 để thế chấp cho khoản vay.

Công ty vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo gia hạn thư đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 001-363548 số 1080104 ngày 14 tháng 03 năm 2012. Hạn mức và mục đích sử dụng vốn vay được quy định: hạn mức mở tín dụng chứng từ là 1.500.000 Đô la Mỹ (USD) (hoặc tương đương bằng VND) có phí mở tín dụng chứng từ là 0,1%; khoản vay dành riêng cho nhập khẩu dùng để bổ sung vốn lưu động và việc nhập khẩu hoặc mua nguyên vật liệu trong nước có hạn mức là 1.500.000 Đô la Mỹ trong thời hạn 120 ngày và khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng với 2%/năm; khoản vay dành riêng cho nhập khẩu dùng để tài trợ cho việc mua trong nước xăng dầu trong thời hạn tối đa 45 ngày có hạn mức là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay được đảm bảo bằng nguyên vật liệu và nợ phải thu hình thành từ vốn vay.

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Công đoàn Tập đoàn theo Hợp đồng tín dụng số 135B/HĐTD ngày 01 tháng 07 năm 2008. Công ty đã tái ký hợp đồng ngày 08 tháng 01 năm 2010 đến nay chưa tái ký lại. Khoản vay dùng để đầu tư vào dự án tại Bình Dương. Lãi suất cho vay là 12%/năm. Trong năm, Công ty đã tất toán khoản vay này.

**Quyền sử
dụng đất**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV
 Công ty TNHH Posco Việt Nam
 Công ty Cổ phần Top American Việt Nam
 Khác
Tổng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	13.040.114.251	15.697.931.785
	3.651.995.479	4.317.479.874
	-	1.431.726.000
	3.780.278.027	4.163.499.250
Tổng	20.472.387.757	25.610.636.909

5.16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
 Khác
Tổng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	5.418.300.689	21.177.987.200
	5.921.524.347	4.342.343.064
Tổng	11.339.825.036	25.520.330.264

5.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng
 Thuế thu nhập doanh nghiệp
 Thuế thu nhập cá nhân
Tổng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	635.519.929	126.786.736
	-	2.542.689.053
	95.842.084	331.926.532
Tổng	731.362.013	3.001.402.321

5.18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

CHXD Quyết Thắng
 CHXD Thông Nhất
 CHXD Bạc Liêu
 CHXD 19 Sóc Trăng
 PVOIL
 Công trình Vilube
 Cửa hàng xăng dầu 49 - XD Nam Tây Nguyên
 Cửa hàng xăng dầu 54 - XD Nam Tây Nguyên
 Cửa hàng xăng dầu số 29 - Bắc Tây Nguyên
 Công trình thi công nền móng
 Công trình H186
 Chi phí gia công thép cho Công ty Trường An
 Chi phí nhận dạng thương hiệu 31/12/2011
 Chi phí khác
Tổng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	1.207.370.182	-
	3.684.758.041	-
	982.727.272	-
	564.743.301	-
	929.230.970	-
	3.949.382.173	-
	-	2.872.208.291
	-	1.815.422.682
	-	1.240.047.309
	-	2.283.102.818
	-	2.197.328.737
	-	245.687.204
	-	1.656.996.819
	1.200.224.086	1.147.876.548
Tổng	12.518.436.025	13.458.670.408

5.19 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, NỘP KHÁC

Tài sản thừa chờ xử lý
 Kinh phí công đoàn
 Bảo hiểm y tế
 Đèn bù giải tỏa đất 446 Nơ Trang Long
 Cỗ túc phải trả và phải trả khác
 Bảo hiểm thất nghiệp
Tổng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
	139.842.667	-
	135.659.023	123.553.275
	-	41.116.148
	-	1.807.844.955
	8.198.089.483	9.696.016.516
	-	381.333
Tổng	8.473.591.173	11.668.912.227

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Đơn vị tính: VND**Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	52.000.000.000	25.425.165.374	(343.472.600)	6.266.780.863	3.300.121.010	2.175.721.847	88.824.316.494
Tăng trong năm	20.276.620.000	-	-	2.916.018.847	656.490.190	14.297.317.977	38.146.447.014
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	14.282.205.313	14.282.205.313
Phân phối quỹ	-	-	-	2.916.018.847	656.490.190	-	3.572.509.037
Thuế TNDN điều chỉnh	-	-	-	-	-	15.112.664	15.112.664
Tăng vốn	20.276.620.000	-	-	-	-	-	20.276.620.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	13.834.829.951	13.834.829.951
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	6.668.718.037	6.668.718.037
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	6.213.831.000	6.213.831.000
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	676.616.914	676.616.914
Trích lợi nhuận góp vốn phải trả	-	-	-	-	-	275.664.000	275.664.000
Số dư tại 31/12/2011	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	9.182.799.710	3.956.611.200	2.638.209.873	113.135.933.557
Số dư tại 01/01/2012	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	9.182.799.710	3.956.611.200	2.638.209.873	113.135.933.557
Tăng trong năm	-	-	-	1.091.721.757	57.620.076	5.990.234.100	7.139.575.933
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	5.990.234.100	5.990.234.100
Phân phối quỹ	-	-	-	1.091.721.757	57.620.076	-	1.149.341.833
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	3.157.940.273	3.157.940.273
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	2.175.632.647	2.175.632.647
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	682.577.226	682.577.226
Trích lợi nhuận góp vốn phải trả	-	-	-	-	-	299.730.400	299.730.400
Số dư tại 31/12/2012	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	10.274.521.467	4.014.231.276	5.470.503.700	117.117.569.217

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số đã thực góp đến 31/12/2012		Số đã thực góp đến 31/12/2011	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Tập đoàn)	33.248.770.000	46,00%	33.248.770.000	46,00%
Các cổ đông khác	38.768.950.000	53,64%	38.768.950.000	53,64%
Cổ phiếu ngân quỹ	258.900.000	0,36%	258.900.000	0,36%
Tổng	72.276.620.000	100%	72.276.620.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2012		01/01/2012	
	VND	VND	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662		7.227.662	
Số lượng cổ phiếu được mua lại		25.890		25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		7.201.772		7.201.772

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

5.21 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012		Năm 2011	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu xăng dầu	372.881.187.503		346.589.279.514	
Doanh thu dầu mỏ nhờn	432.020.321		1.193.836.592	
Doanh thu kinh doanh vật tư	18.225.552.096		62.084.628.279	
Doanh thu nhận dạng thương hiệu	18.277.022.168		17.162.352.617	
Doanh thu bán vỏ phuy	85.977.473.980		130.685.565.682	
Doanh thu bán thùng 18 lít	32.109.155.845		34.931.396.149	
Doanh thu bồn tròn	6.496.027.272		6.411.200.001	
Doanh thu bồn elip và nhựa đường	16.325.181.818		53.565.909.096	
Doanh thu sửa chữa gia công cơ khí	1.683.251.318		380.918.181	
Doanh thu kiểm định xe bồn	241.913.104		306.352.000	
Doanh thu phé liệu	2.269.791.601		4.023.379.549	
Doanh thu xây dựng cơ bản	43.440.118.104		8.870.766.568	
Tổng	598.358.695.130		666.205.584.228	
Trừ: Hàng bán bị trả lại	23.983.271.245		-	
Doanh thu thuần	574.375.423.885		666.205.584.228	

Trong năm theo Biên bản làm việc ngày 13 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thu hồi hàng hóa là lô cần xuất đã bán năm trước cho Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu. Việc thu hồi hàng hóa là do các nguyên nhân khách quan dẫn đến Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu không có nguồn để thanh toán đúng hạn theo điều khoản hợp đồng đã ký kết với Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện thu hồi hàng hóa, xử lý công nợ đúng theo các quy định hiện hành. Do vậy, Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh “Hàng bán bị trả lại” trong năm nay tương ứng với “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” đã ghi nhận năm trước với số tiền là 23.983.271.245 đồng, “Giá vốn hàng bán” trong năm nay giảm tương ứng với số tiền là 22.166.635.040 đồng. Theo đó, “Lợi nhuận kê toán trước thuế” trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2012 và “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng Cân đối kê toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng đã giảm tương ứng với số tiền là 1.816.636.205 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn xăng dầu chính	367.542.881.978	337.643.169.695
Giá vốn dầu mỡ nhờn	288.381.764	948.384.914
Giá vốn kinh doanh vật tư	(6.536.518.376)	58.516.332.075
Giá vốn nhận dạng thương hiệu	18.750.275.665	13.830.505.795
Giá vốn thành phẩm phuy 200 lít	68.248.312.486	100.635.583.610
Giá vốn thùng 18 lít	29.865.959.517	31.977.407.173
Giá vốn bán bồn tròn	5.200.080.344	5.188.552.211
Giá vốn bồn elip và nhựa đường	15.629.886.942	51.241.642.118
Giá vốn sửa chữa gia công cơ khí	1.221.870.841	301.580.808
Giá vốn kiểm định xe bồn	127.196.822	185.154.127
Giá vốn phế liệu thu hồi	2.269.791.601	3.511.381.254
Giá vốn xây dựng cơ bản	41.424.879.864	8.281.077.870
Tổng	544.032.999.448	612.260.771.650

5.23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	594.580.257	1.406.171.037
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	2.167.072.907	1.439.549.332
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.827.237	261.994.428
Khác	13.134.635	58.599.333
Tổng	2.791.615.036	3.166.314.130

5.24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	3.321.112.301	3.524.817.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.526.409	560.316.985
Chi phí tài chính khác	110.000	60.330.000
Tổng	3.329.748.710	4.145.464.602

5.25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	956.390.190	1.094.154.590
Chi phí vật liệu bao bì	-	262.075.744
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	1.182.251.241
Chi phí khấu hao TSCĐ	895.004.992	807.780.207
Chi phí bảo hành	-	2.019.708.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.541.604.820	3.151.164.613
Chi phí bằng tiền khác	4.227.216.794	7.102.435.964
Tổng	9.620.216.796	15.619.570.902

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.070.545.328	11.245.992.839
Chi phí đồ dùng văn phòng	638.341.489	615.057.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	525.502.376	720.536.153
Thuế, phí, lệ phí	876.741.041	656.354.100
Chi phí dự phòng	1.078.722.117	325.072.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	896.798.054	804.872.978
Chi phí băng tiền khác	3.789.933.079	6.198.457.458
Tổng	14.876.583.484	20.566.344.340

5.27 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	2.019.595.286	709.658.250
Thanh lý tài sản	186.818.182	708.363.637
Quyết toán nhận đền bù giải tỏa đất 446 Nơ Trang Long	1.807.844.955	-
Khác	24.932.149	1.294.613
Chi phí khác	529.553.939	483.000.048
Chi phí thanh lý	507.792.395	319.022.032
Khác	21.761.544	163.978.016
Lợi nhuận khác	1.490.041.347	226.658.202

Căn cứ vào Tờ trình số 1004/PMS-TTr ngày 31 tháng 12 năm 2012 được phê duyệt, Công ty đã quyết toán khoản nhận đền bù giải tỏa đất 446 Nơ Trang Long từ Ủy ban Nhân dân Quận Bình Thạnh và ghi nhận vào thu nhập khác.

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	6.797.531.830	17.006.405.066
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ lãi từ công ty liên kết	2.167.072.907	1.439.549.332
Thu nhập chịu thuế	4.630.458.923	15.566.855.734
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN	1.157.614.731	3.891.713.934
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	347.284.419	1.167.514.181
Chi phí thuế Thu nhập hoãn lại	-	27.050.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	810.330.312	2.697.149.286

Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân của Bộ Tài chính, hướng dẫn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty được giảm thuế 30% cho năm 2012. Do vậy, khoản giảm trừ thuế được ghi nhận trong năm là 347.284.419 đồng (năm 2011: 1.167.514.181 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.990.234.100	14.282.205.313
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.990.234.100	14.282.205.313
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	7.201.772	6.196.254
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	832	2.305

5.30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	566.199.634.488	593.476.401.660
Chi phí nhân công	12.154.312.282	18.453.002.280
Trong đó: Chi phí tiền lương	12.329.261.670	16.939.574.280
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.321.926.379	2.368.028.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.910.796.673	27.295.597.301
Chi phí khác bằng tiền	9.006.273.881	13.300.893.422
Tổng	596.592.943.703	654.893.923.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.31 BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động: bộ phận sản xuất, bộ phận xây dựng, bộ phận thương mại và bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất : sản xuất cung cấp vật tư, thiết bị là thùng, phuy, bồn chứa xăng dầu

Bộ phận xây dựng : cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế và thi công cửa hàng xăng, logo nhận dạng thương hiệu

Bộ phận thương mại : kinh doanh xăng dầu và sản phẩm hóa dầu, cung cấp dịch vụ đo lường, kiểm định và kinh doanh các loại khác

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Sản xuất 31/12/2012 VND	Xây dựng 31/12/2012 VND	Thương mại 31/12/2012 VND	Tổng cộng 31/12/2012 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	69.968.834.280	8.341.998.764	28.895.444.507	107.206.277.551
Tài sản không phân bổ				76.275.353.303
Tổng tài sản				183.481.630.854
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	7.432.273.506	9.440.539.732	18.988.300.585	35.861.113.823
Nợ phải trả không phân bổ				30.502.947.814
Tổng nợ phải trả				66.364.061.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.31 BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh

	Sản xuất Năm 2012 VND	Xây dựng Năm 2012 VND	Thương mại Năm 2012 VND	Tổng cộng Năm 2012 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	142.833.003.337	43.440.118.104	388.102.302.444	574.375.423.885
Giá vốn hàng hóa dịch vụ	120.293.306.952	41.424.879.864	382.314.812.632	544.032.999.448
Kết quả kinh doanh bộ phận	22.539.696.385	2.015.238.240	5.787.489.812	30.342.424.437
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh				24.496.800.280
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.845.624.157
Doanh thu từ các khoản đầu tư				2.791.615.036
Lỗ khác				1.490.041.347
Chi phí tài chính				3.329.748.710
Lợi nhuận trước thuế				6.797.531.830
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				807.297.730
Lợi nhuận trong năm				5.990.234.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm:

Bên liên quan	Năm 2012		Năm 2011	
	VND	VND	VND	VND
Thù lao HDQT, BKS, thu nhập BGĐ và KTT	1.157.100.000		2.506.368.700	

Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn - Xem chi tiết phụ lục “Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan cho mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính Tập đoàn”.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.601.903.818	9.898.423.662
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.384.179.625	104.046.895.153
Đầu tư ngắn hạn	85.525.783	85.525.783
Tổng	53.071.609.226	114.030.844.598
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.906.384.716	27.574.968.141
Phải trả khách hàng và phải trả khác	28.945.978.930	37.279.549.136
Chi phí phải trả	12.518.436.025	13.458.670.408
Tổng	50.370.799.671	78.313.187.685

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên Hàng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập

detam

Đỗ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Meelius

Hồ Trí Lượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

Giám đốc



Đoàn Đắc Hộc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số : 01/HN - CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Vốn góp liên doanh (TK222)									
1	Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G	21/11/2003	22.524.919.267	22.524.919.267			11.037.210.441	49%	49%	49%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CNT9691RB L2698-60001

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Mẫu số: 02-A/HN-CTC

Phần I/ Doanh thu hàng hóa

ĐVT: Đồng

STT	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa				Sản phẩm vật tư MMTB - TKé XLắp					
			Doanh thu thuần	Phí xăng dầu	Giá vốn	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp			
			A	B	C	1	2	3	4 = 1-3	5	6	7=5-6
1		Tập Đoàn xăng dầu Việt Nam								66.200.000	62.890.000	3.310.000
2		Công ty xăng dầu B12								114.000.000	108.300.000	5.700.000
3		Xí nghiệp Bán lẻ xăng dầu								1.355.993.807	1.288.194.117	67.799.690
4		Công ty xăng dầu Đồng Nai - TNHH MTV								8.740.636.402	8.303.604.582	437.031.820
5		Công ty xăng dầu Bình Định								4.545.000.000	4.317.750.000	227.250.000
6		Công ty xăng dầu Phú Khánh								5.208.555.000	4.948.127.250	260.427.750
7		Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ								2.361.658.574	2.243.575.645	118.082.929
8		Công ty TNHH MTV xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu								520.070.500	494.066.975	26.003.525
9		Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên								1.416.372.606	1.345.553.976	70.818.630
10		Công ty xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV								193.298.552	183.633.624	9.664.928
11		Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên								13.843.498.246	13.151.323.334	692.174.912
12		Công ty TNHH xăng dầu Lâm Đồng								544.952.000	517.704.400	27.247.600
13		Công ty TNHH Một Thành Viên Xăng Dầu An Giang								357.153.355	339.295.688	17.857.667
14		Công ty Xăng Dầu Đồng Tháp								492.000.000	467.400.000	24.600.000
15		Công ty xăng dầu Long An								3.901.643.647	3.706.561.465	195.082.182
16		Công ty xăng dầu Tiền Giang								216.000.558	205.200.530	10.800.028
17		Công ty Xăng Dầu Vĩnh Long								3.346.970.483	3.179.621.959	167.348.524
18		Công ty xăng dầu Cà Mau								1.026.085.000	974.780.750	51.304.250
19		Công ty xăng dầu Bến Tre								2.019.948.000	1.918.950.600	100.997.400
20		Công ty xăng dầu Trà Vinh								2.389.262.700	2.269.799.565	119.463.135
21		Công ty xăng dầu Tây Ninh								999.492.000	949.517.400	49.974.600
22		Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang								1.518.181.818	1.442.272.727	75.909.091
23		CN xăng dầu Bình Phước - Công ty XD Sông Bé								143.615.377	136.434.608	7.180.769
24		Cảng dầu B12								74.600.000	70.870.000	3.730.000
25		CN xăng dầu Kontum								127.032.000	120.680.400	6.351.600
26		Công Ty Cổ Phần hóa dầu PETROLIMEX								8.712.252.000	8.276.639.400	435.612.600
27		Công Ty TNHH hóa chất PETROLIMEX								237.500.000	225.625.000	11.875.000
28		Công Ty CP vận tải và dịch vụ PETROLIMEX Sài Gòn								1.817.700.000	1.726.815.000	90.885.000
29		Công Ty CP Nhiên Liệu Bay Petrolimex								1.720.975.000	1.634.926.250	86.048.750
30		Xí nghiệp Dịch vụ Xây Lắp và thương mại Petrolimex								272.285.500	258.671.225	13.614.275
31		Công Ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - PETROLIMEX								4.552.968.948	4.325.320.501	227.648.447
32		CN Công Ty CP tư vấn xây dựng Petrolimex -								3.023.650.640	2.872.468.108	151.182.532
33		Xí nghiệp dịch vụ và thương mại PETROLIMEX								36.750.000	34.912.500	1.837.500
34		Công Ty TNHH Gas PETROLIMEX (Sài Gòn)								10.856.760	10.313.922	542.838
35		Chi nhánh TP.HCM - Công Ty CP thiết bị xăn								153.303.800	145.638.610	7.665.190
36		Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex								302.204.000	287.093.800	15.110.200
37		Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex								35.000.000	33.250.000	1.750.000
		Tổng				-	-	-	-	76.397.667.274	72.577.783.911	3.819.883.363

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 02-B/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ báo cáo: Năm 2012

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác**ĐVT: Đồng**

STT	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
				Tổng số	Trong đó:		
A	B	C	1	2	3	4	5
1		Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G		2.167.072.907	2.167.072.907	3.187.072.907	
		Tổng	-	2.167.072.907	2.167.072.907	3.187.072.907	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 03/HN-CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ báo cáo: Năm 2012

ĐVT: Đồng

STT	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas	Hàng hóa khác
A	B	C	1	2	3	4
I		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	2.543.442.727		-	-
II		Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	367.719.310.103		770.001.120	-
1		Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn			770.001.120	
2		Công ty xăng dầu khu vực II - TNHH	367.719.310.103			
III		Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	367.430.965.922		770.001.120	-
IV		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	2.831.786.908		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số:04/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

ĐVT: Đồng

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		PHẦN I: NGẮN HẠN	5.724.007.142	14.300.000		-	-	-
1		Công ty xăng dầu Đồng Nai - TNHH MTV	1.899.789.999					
2		Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	70.417.600					
3		Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	438.000.000					
4		CN xăng dầu Kontum	139.735.200					
5		Công ty Cổ Phàn hóa dầu PETROLIMEX	1.286.615.924					
6		Công ty TNHH hóa chất PETROLIMEX	158.130.060					
7		Công ty CP vận tải và dịch vụ PETROLIMEX SG	50.000.000					
8		Công ty CP Nhiên Liệu Bay Petrolimex	288.302.500					
9		Công ty Cổ Phàn Xây Lắp 1 - PETROLIMEX	1.352.674.102					
10		Công ty Cổ phàn Xây lắp 3 - PETROLIMEX	40.341.757					
11		CN Phía nam- Cty CP TVXD Petrolimex		14.300.000				
		PHẦN II: DÀI HẠN		-		-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 05/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

ĐVT: Đồng

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		PHẦN I: NGẮN HẠN	13.177.523.193	7.966.898.783	-	-	-	-
1		Cty Xăng dầu KV2 - TNHH MTV	13.040.114.251					
2		Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	137.408.942					
3		Tập Đoàn xăng dầu Việt Nam		5.418.300.689				
4		Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ		206.058.094				
5		Công Ty TNHH xăng dầu Lâm Đồng		630.000.000				
6		Công Ty Xăng Dầu Đồng Tháp		1.372.800.000				
7		Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang		316.140.000				
8		Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex		23.600.000				
		PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CT969ATR8 12698 50001

Mẫu số: 06/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

ĐVT: Đồng

STT	Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay				Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian				
			01/01/2012	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2012	Trong năm 2013	Trong năm 2014	Trong năm 2015	Trong năm 2016	Sau năm 2017
A	B	C	1	2	3	4	6	7	8	9	10
I		Vay và nợ nội bộ tập đoàn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-					
		Công đoàn xăng dầu VN	10.000.000.000		10.000.000.000						
II		Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác	17.574.968.141	111.886.488.790	120.555.072.215	8.906.384.716	8.906.384.716				
		VCB	11.574.968.141	35.301.271.378	42.976.072.300	3.900.167.219	3.900.167.219				
		HSBC	6.000.000.000	76.585.217.412	77.578.999.915	5.006.217.497	5.006.217.497				
		Tổng	27.574.968.141	111.886.488.790	130.555.072.215	8.906.384.716	8.906.384.716				

Người lập

elstam

Kế toán trưởng

leeeeev

Đỗ Hồng Hạnh

Hồ Trí Lượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

Giám đốc



Đoàn Đắc HỌC